

BỘ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO

Tổng hợp đánh giá tình hình cơ cấu lại, các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước

(Tài liệu phục vụ Hội nghị Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN ngày 16/10/2019)

Thực hiện phân công tại công văn số 8399/VPCP-ĐMDN ngày 18/9/2019 của Văn phòng Chính phủ, trên cơ sở báo cáo đánh giá tình hình cơ cấu lại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn, Tổng công ty, Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và thực tế triển khai thực hiện, Bộ Tài chính xin báo cáo Tổng hợp đánh giá tình hình cơ cấu lại, các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN như sau:

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 9/2019, về cơ bản các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, DNNN đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016-2020”; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tại Thông báo số 39/TB-VPCP và Thông báo số 249/TB-VPCP ngày 22/7/2019 của Văn phòng Chính phủ, kết quả cụ thể:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA, THOÁI VỐN, CƠ CẤU LẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

I. Tình hình ban hành cơ chế chính sách phục vụ quá trình đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN

1. Triển khai kế hoạch đề ra, từ năm 2016 đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành nghiên cứu, xây dựng đề ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ, đồng bộ hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật về cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN kịp thời theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật Đất đai..., Chính phủ đã ban hành 20 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 04 Quyết định và các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ ban hành 14 Thông tư hướng dẫn các đơn vị thực hiện. Trong đó các

cơ chế chính sách đã được ban hành sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019, gồm:

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/1/2019 về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020;

- Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 03/2019/TT-NHNN ngày 29/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

- Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 21/2019/TT-BTC ngày 11/4/2019 hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức dựng sổ và Thông tư số 34/2019/TT-BTC ngày 11/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các DNNN và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

(danh sách các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành tại Phụ lục 1 kèm theo)

2. Ngày 18/4/2019, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 4544/BTC-TCDN về việc phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp để hướng dẫn cụ thể, làm rõ một số nội dung liên quan đến phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa DNNN.

- Căn cứ quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 thì tất cả các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc đối tượng cổ phần hóa phải hoàn thành việc lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trước thời điểm quyết định cổ phần hóa. Phương án sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt này là phê duyệt cho các doanh nghiệp thuộc đối tượng cổ phần hóa (doanh nghiệp cấp 1 và doanh nghiệp cấp 2) khi còn là DNNN hoặc doanh nghiệp do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ.

- Trong thực tiễn khi thực hiện triển khai cổ phần hóa Công ty mẹ các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước; công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con; doanh nghiệp do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ để phản ánh đúng giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa, tránh thất thoát vốn của Nhà nước, vốn

của DNNN khi thực hiện cổ phần hóa, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 4544/BTC-TCĐN ngày 18/4/2019 về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

Tuy nhiên trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện có những vướng mắc về cơ sở pháp lý (về đối tượng áp dụng), thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng Vương Đình Huệ tại công văn số 8468/VPCP-ĐMDN ngày 20/9/2019 Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 126/2017/NĐ-CP cho phù hợp.

II. Tình hình thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN

1. Tình hình phê duyệt phương án cơ cấu lại theo Quyết định số 707/QĐ-TTg (*mục 2 phần IV Chỉ thị 01/CT-TTg*)

Theo khoản 4 Điều 1 Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 quy định:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải phê duyệt phương án cơ cấu lại tổng công ty, DNNN giai đoạn 2016 - 2020 thuộc phạm vi quản lý.

- Hội đồng thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty, DNNN trình cấp có thẩm quyền phương án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Quyết định này; tổ chức triển khai phương án cơ cấu lại sau khi được phê duyệt.

Theo tổng hợp của Bộ Tài chính thì tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2017, có 526 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, như vậy theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 707/QĐ-TTg thì các cơ quan, đơn vị sẽ phải thực hiện xây dựng phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với 526 DNNN.

Tính đến ngày 30/9/2019, đã có 148 DNNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại theo Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Số lượng doanh nghiệp chưa được phê duyệt phương án cơ cấu lại là 378 doanh nghiệp (chiếm 71%), trong đó:

- Nhiều Bộ, ngành, địa phương chưa nắm bắt được tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 707/QĐ-TTg nêu trên, theo đó chưa thực hiện phê duyệt phương án cơ cấu lại tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước như Bộ Văn hóa – Thể thao và Du Lịch, các tỉnh, thành phố như Đà Nẵng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Nam, Bạc Liêu...

- Một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, DNNN đã trình chủ sở hữu phương án cơ cấu lại, đang xem xét, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt như: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các Tổng công ty Giấy Việt Nam, Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, các DNNN thuộc Thành phố Hồ Chí Minh...

2. Kế hoạch và tình hình thực hiện cổ phần hóa (*mục 3 Phần IV Chỉ thị 01/CT-TTg*)

2.1. Kế hoạch cổ phần hóa

Theo công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ thì giai đoạn 2017 – 2020 và Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp cổ phần hóa đến hết năm 2020 thì kế hoạch cổ phần hóa giai đoạn 2017 – 2020 là **128 doanh nghiệp**.

2.2. Tình hình thực hiện cổ phần hóa

a) Giai đoạn 2016 -2018: có 159 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa với tổng giá trị doanh nghiệp là 442.275 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 206.024 tỷ đồng. Tổng vốn điều lệ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 210.915 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 112.500 tỷ đồng (53%); bán cho cổ đông chiến lược 62.206 tỷ đồng (29%); đấu giá công khai 34.464 tỷ đồng (16%), số còn lại bán cho người lao động là 1.695 tỷ đồng (1%) và tổ chức công đoàn 47 tỷ đồng (0,02%).

b) Trong 09 tháng đầu năm 2019 có **09 doanh nghiệp** được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa, tuy nhiên trong đó chỉ có 03 doanh nghiệp thuộc danh mục các doanh nghiệp cổ phần hóa theo công văn số 991/TTg-ĐMDN (02 DN) và Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg (01 DN). Tổng giá trị doanh nghiệp của 09 doanh nghiệp được phê duyệt phương án cổ phần hóa là 780 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 670 tỷ đồng. Tổng vốn điều lệ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 387 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 160 tỷ đồng (41%); đấu giá công khai 176 tỷ đồng (46%), số còn lại bán cho người lao động là 48 tỷ đồng (12%) và tổ chức công đoàn 127 triệu đồng (0,03%).

c) Lũy kế giai đoạn 2016 – tháng 9/2019, đã có **168 doanh nghiệp** được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa với tổng giá trị doanh nghiệp là 443.056 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 206.694 tỷ đồng. Tổng vốn điều lệ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 211.302 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 112.660 tỷ đồng (53%); bán cho nhà đầu tư chiến lược 62.206 tỷ đồng (29%); đấu giá công khai 34.641 tỷ đồng (16%), số còn lại bán cho người lao động là 1.743 tỷ đồng (1%) và tổ chức công đoàn 47 tỷ đồng (0,02%).

Tuy nhiên trong 168 doanh nghiệp đã cổ phần hóa chỉ có **36/128 doanh nghiệp** cổ phần hóa thuộc danh mục cổ phần hóa theo công văn số 991/TTg-ĐMDN và Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (**đạt 28% kế hoạch**), số doanh nghiệp còn phải thực hiện cổ phần hóa theo kế hoạch tính đến hết năm 2020 là **92 doanh nghiệp**. Qua số liệu trên cho thấy tình hình thực hiện cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ là rất chậm, cụ thể:

Những đơn vị còn nhiều doanh nghiệp thuộc danh sách phải thực hiện cổ phần hóa đến 2020: Thành phố Hà Nội cổ phần hóa 13 doanh nghiệp (04 Tổng công ty), chiếm 14% kế hoạch; Thành phố Hồ Chí Minh cổ phần hóa 38 doanh nghiệp (11 Tổng công ty), chiếm 40% kế hoạch; Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại

doanh nghiệp cổ phần hóa 06 doanh nghiệp (03 Tập đoàn, 03 Tổng công ty); Bộ Công Thương cổ phần hóa 04 doanh nghiệp (03 Tổng công ty); Bộ Xây dựng cổ phần hóa 02 Tổng công ty.

(danh sách cổ phần hóa giai đoạn 2016 – 9/2019 tại Phụ lục 2 kèm theo)

3. Kế hoạch và tình hình thực hiện thoái vốn **(mục 4 Phần IV Chỉ thị 01/CT-TTg)**

3.1. Kế hoạch thoái vốn

Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ thì giai đoạn 2017 – 2020 thực hiện thoái khoảng 60.000 tỷ đồng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

3.2. Tình hình thực hiện

a) Giai đoạn 2016 – 2018:

- Thoái vốn nhà nước tại 78 đơn vị thuộc Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ với giá trị 3.790 tỷ đồng, thu về 7.107 tỷ đồng.

- Thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp ngoài Quyết định số 1232/QĐ-TTg được 3.785 tỷ đồng, thu về 110.392 tỷ đồng *(bao gồm việc thoái vốn tại Sabeco năm 2017 với giá trị 3.436 tỷ đồng, thu về 109.965 tỷ đồng)*.

- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thực hiện thoái 14.488 tỷ đồng, thu về 48.456 tỷ đồng *(bao gồm việc thoái vốn của SCIC tại Công ty cổ phần Sữa Vinamilk với giá trị là 989 tỷ đồng, thu về 20.276,5 tỷ đồng)*.

b) Trong 09 tháng đầu năm 2019:

- Thoái vốn tại 12 doanh nghiệp thuộc danh mục ban hành theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg thực hiện thoái vốn với giá trị 783 tỷ đồng, thu về 1.700 tỷ đồng.

- Các tập đoàn, Tổng công ty, DNNN thoái vốn với tổng giá 1.662 tỷ đồng, thu về 2.973 tỷ đồng

c) Lũy kế trong giai đoạn từ 2016 – tháng 9/2019, cả nước đã thoái được 24.510 tỷ đồng, thu về 170.629 tỷ đồng, gồm:

- Thoái vốn nhà nước tại 90 đơn vị thuộc Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ với giá trị 4.574 tỷ đồng, thu về 8.807 tỷ đồng.

- Thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp ngoài Quyết định số 1232/QĐ-TTg được 3.785 tỷ đồng, thu về 110.392 tỷ đồng.

- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thực hiện thoái 16.150 tỷ đồng, thu về 51.429 tỷ đồng

Trong đó:

- Những đơn vị hoàn thành thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg với tỷ lệ cao là: Bộ Tài chính (Công ty cổ phần In Tài chính), Bộ Tài nguyên và Môi

trường (đã thoái 3/4 doanh nghiệp), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; các tỉnh Bình Định, Bình Thuận, Đắk Nông, Gia Lai, Hà Nam, Hòa Bình, Khánh Hòa, Kon Tum; Thành phố Cà Mau.

- Những đơn vị còn nhiều doanh nghiệp phải thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg với giá trị lớn là: Bộ Công Thương (Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), Bộ Giao thông vận tải (thoái 30,4% vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - Công ty CP và 35,16% vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam - Công ty CP), Bộ Xây dựng (còn phải thoái vốn tại 8/11 Tổng công ty cổ phần); các tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Giang, Bến Tre; Thành phố Hà Nội (còn phải thoái vốn tại 31/34 doanh nghiệp), Thành phố Hải Phòng.

(tình hình thoái vốn giai đoạn 2016 – 9/2019 tại Phụ lục 3a, 3b, 3c kèm theo)

4. Tình hình bán đấu giá qua Sở Giao dịch chứng khoán giai đoạn 2016 - tháng 9/2019

Tình hình chung thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn qua hai Sở giao dịch chứng khoán từ năm 2016 – đến tháng 9/2019 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Năm | Số DN | Tổng số cổ phần chào bán | Tổng số cổ phần bán được | Tỷ lệ thành công | Tổng giá trị thực tế bán được | Thặng dư | % thặng dư so với giá trị CP theo mệnh giá |
|------------------|------------|--------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------|----------------|--|
| 2016 | 101 | 1.346.934.266 | 881.215.142 | 65% | 23.074 | 14.189 | 161% |
| 2017 | 78 | 1.507.590.711 | 859.064.658 | 57% | 127.729 | 119.164 | 1387% |
| 2018 | 80 | 4.076.682.293 | 2.009.505.883 | 49% | 38.793 | 18.662 | 93% |
| 2019 | 36 | 246.600.789 | 204.142.563 | 83% | 4.771 | 2.730 | 134% |
| Tổng cộng | 295 | 7.177.808.059 | 3.953.928.246 | 55% | 194.368 | 154.747 | 391% |

- Giai đoạn năm 2016 - 2018: Tổng giá trị thực tế bán được cao, thặng dư thu được từ bán đấu giá cổ phần hóa và thoái vốn tăng mạnh, đặc biệt là năm 2017, cao hơn gấp 5,5 lần với các năm trước do năm 2017 có đợt thoái vốn của Bộ Công Thương tại Sabeco, thoái vốn của SCIC tại CTCP Sữa Việt Nam Vinamilk.

- Năm 2019 (tính đến tháng 9/2019): Số doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn tính đến tháng 9/2019 bằng 45% so với năm 2018. Tổng giá trị thực tế bán được đạt hơn 4.771 tỷ đồng, bằng hơn 12% tổng giá trị thực tế bán được năm 2018, bằng hơn 3,7% tổng giá trị thực tế bán được năm 2017. Nguyên nhân là do số lượng các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn ít; không có doanh nghiệp lớn nào thực hiện bán đấu giá cổ phần hóa, thoái vốn.

5. Kế hoạch và tình hình sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn (**điểm 6 mục IV Chỉ thị 01/CT-TTg**)

5.1. Tình hình thu từ cổ phần hóa, thoái vốn về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (Quỹ): Lũy kế giai đoạn 2016 – tháng 9/2019 đã thu về Quỹ 177.557 tỷ đồng, trong đó: 09 tháng đầu năm 2019, số tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nộp về Quỹ 4.799 tỷ đồng.

5.2. Kế hoạch và tình hình sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn: Trong 09 tháng đầu năm 2019, Bộ Tài chính đã chuyển 30.000 tỷ đồng từ Quỹ vào NSNN, số còn phải chuyển về NSNN trong Quý IV/2019 là 20.000 tỷ đồng.

Lũy kế từ năm 2016 đến Quý III/2019, đã chuyển từ Quỹ về NSNN là 185.000 tỷ đồng (đạt 74% kế hoạch), số còn phải chuyển từ Quỹ về NSNN là 65.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 của Quốc hội (trong đó Quý IV/2019 còn phải chuyển 20.000 tỷ đồng, năm 2020 còn phải chuyển 45.000 tỷ đồng).

Theo đánh giá của Bộ Tài chính thì dự kiến đến hết năm 2020 sẽ hoàn thành kế hoạch nộp 250.000 tỷ đồng tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn về NSNN theo Nghị quyết số 26/2016/QH14 của Quốc hội đã giao.

6. Kế hoạch và tình hình chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC (**điểm 7 mục IV Chỉ thị 01/CT-TTg**)

6.1. Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg, giai đoạn 2017 - 2020 các Bộ, ngành, địa phương phải chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC là 62 doanh nghiệp (04 DN năm 2017, 55 DN năm 2018, 03 DN năm 2019).

Trong 09 tháng đầu năm 2019, có **02 doanh nghiệp** bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC (Công ty cổ phần phát triển văn hóa du lịch Vũng Tàu với số vốn nhà nước là 751 triệu đồng, Tổng công ty Thép Việt Nam với số vốn nhà nước là 6.368 tỷ đồng). Số doanh nghiệp chưa chuyển giao gồm **30 doanh nghiệp** với tổng số vốn nhà nước là 630 tỷ đồng.

Như vậy, Tính đến hết tháng 9/2019 đã chuyển giao 32/62 số doanh nghiệp về SCIC (đạt 51%) với tổng giá trị chuyển giao là 10.437,7 tỷ đồng (đạt 95%), còn 30 doanh nghiệp chưa chuyển giao về SCIC với giá trị chuyển giao là 630 tỷ đồng (chiếm 5%).

6.2. Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 267/TB-VPCP ngày 31/7/2019 về việc thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại cuộc họp về việc hoàn thiện Dự thảo Quyết định sửa đổi Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện Tờ trình, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục doanh nghiệp thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 theo hướng:

- Thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC đối với doanh nghiệp thuộc các Bộ, ngành.

- Đối với doanh nghiệp các Bộ, ngành đã làm xong các thủ tục thoái vốn thì các Bộ, ngành tiếp tục thực hiện thoái vốn; đến 31/12/2019 không hoàn thành việc thoái vốn thì chuyển giao về SCIC.

- Chưa thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC đối với doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong khi đang trình Quốc hội Nghị quyết về sử dụng nguồn tiền từ cổ phần hóa, thoái vốn DNNN.

7. Tình hình đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán *(điểm 6 mục IV Chỉ thị 01/CT-TTg)*

7.1. Việc cơ cấu lại DNNN thông qua quá trình cổ phần hóa đã tạo ra nguồn hàng hóa đầu tiên, đóng vai trò chủ chốt trong việc tạo lập cơ sở cho sự hình thành của thị trường chứng khoán Việt Nam. Cho đến nay, cổ phiếu của các DNNN cổ phần hóa vẫn là nguồn hàng hóa có chất lượng và chủ lực cho thị trường chứng khoán. Về cơ bản, đây là các doanh nghiệp lớn dẫn đầu thị trường về mức vốn hóa cũng như về tính minh bạch và quản trị công ty, các doanh nghiệp này hoạt động khá hiệu quả đóng góp nguồn thu ngân sách nhà nước; đồng thời tạo nguồn hàng chất lượng cho thị trường chứng khoán, góp phần nâng cao tính minh bạch thị trường...cụ thể như sau:

- Quy mô của khối doanh nghiệp này liên tục tăng qua từng năm, chủ yếu từ nhu cầu vốn đầu tư ngày càng tăng và khả năng huy động vốn trên thị trường chứng khoán thông qua hình thức phát hành thêm cổ phần rất tốt. Hầu hết các DNNN sau cổ phần hóa thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán đều có những lợi thế nhất định do được thừa hưởng cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và một số ưu đãi từ chính sách cổ phần hóa, đồng thời cơ chế hoạt động theo mô hình mới cũng năng động hơn nên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh có những chuyển biến tích cực. Nhờ đó, hầu hết các doanh nghiệp đều có nguồn giữ lại để tăng vốn điều lệ, hoặc đáp ứng đủ điều kiện cũng như có đủ uy tín để huy động vốn từ các nhà đầu tư thông qua việc phát hành thêm.

- Hầu hết các DNNN cổ phần hóa đã niêm yết trên TTCK hoạt động kinh doanh có lãi qua các năm và có sự tăng trưởng cả về doanh thu cũng như lợi nhuận. Tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp này chiếm khá lớn so với toàn thị trường niêm yết nói chung.

Tuy nhiên, việc gắn cổ phần hóa với niêm yết đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được chú trọng, cụ thể số lượng DNNN sau cổ phần hóa chưa đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán năm 2017 là 747 doanh nghiệp (theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn, Tổng công ty được Bộ Tài chính tổng hợp, đăng trên website của Bộ Tài chính).

Tính đến ngày 30/9/2019, theo rà soát, tổng hợp của Bộ Tài chính thì đã có 840 DNNN cổ phần hóa đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên hai Sở Giao dịch chứng khoán (trong đó, số lượng doanh nghiệp niêm yết là 314 doanh nghiệp; số lượng doanh nghiệp đăng ký giao dịch là 526 doanh nghiệp), **còn 755 DNNN cổ**

phần hóa chưa thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán, trong đó:

Bộ Xây dựng (53 DN), Bộ Công Thương (46 DN), Bộ Giao thông vận tải (35 DN), Bộ NN&PTNT (27 DN), Thành phố Hà Nội (85 DN), Hồ Chí Minh (97 DN), Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (144 DN), Tỉnh Vĩnh Phúc (33 DN)...

(Danh sách đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Phụ lục 4 kèm theo)

7.2. Công tác xử lý vi phạm đối với DNNN cổ phần hóa chưa thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán

Để đảm bảo thực thi có hiệu quả quy định về đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của DNNN cổ phần hóa, Bộ Tài chính đã tiến hành nhiều biện pháp để thúc đẩy các doanh nghiệp này đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán, đồng thời xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm quy định, cụ thể như sau:

- Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - UBCKNN) có nhiều văn bản gửi đến các công ty đại chúng chưa đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán để phổ biến, đôn đốc, nhắc nhở tuân thủ quy định về niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.

- Công khai danh sách 218 công ty đại chúng tiền thân là DNNN cổ phần hóa chưa thực hiện niêm yết/đăng ký giao dịch đến ngày 31/12/2018 trên website của UBCKNN (nêu rõ đây là các DNNN cổ phần hóa) để các cổ đông tại doanh nghiệp biết và yêu cầu doanh nghiệp phải tuân thủ đúng quy định pháp luật; đồng thời để các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn, Tổng công ty, DNNN với vai trò là đại diện chủ sở hữu phần vốn góp tại các DNNN cổ phần hóa chỉ đạo người đại diện phần vốn đôn đốc các doanh nghiệp này thực hiện niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định.

- Bộ Tài chính (UBCKNN) đã có văn bản gửi 180 doanh nghiệp thông báo về hành vi vi phạm để xử phạt theo quy định tại Nghị định số 145/2016/NĐ-CP và đang tiếp tục tiến hành phân loại, làm rõ, xử lý các doanh nghiệp còn lại. Tuy nhiên, hiện nay việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các doanh nghiệp này gặp rất nhiều khó khăn do nhiều doanh nghiệp vi phạm không chấp hành. Đến nay, UBCKNN đã ra quyết định xử phạt đối với 28 doanh nghiệp, trong đó có một số doanh nghiệp bị xử phạt với mức phạt rất cao, số tiền phạt là 350 triệu đồng do không thực hiện đăng ký giao dịch theo quy định.

- Đối với các doanh nghiệp không chấp hành, không khắc phục vi phạm, UBCKNN đã:

+ Có văn bản mời các doanh nghiệp đến làm việc/thành lập tổ công tác/phối hợp với đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính thành lập Đoàn kiểm tra trực tiếp tại doanh nghiệp để yêu cầu doanh nghiệp chấp hành việc xử phạt vi phạm hành chính, qua đó nắm thêm tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các thủ tục

đăng ký giao dịch; nguyên nhân chậm trễ và đề nghị doanh nghiệp có biện pháp xử lý vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện các thủ tục liên quan về phía doanh nghiệp để sớm đưa cổ phiếu vào giao dịch.

+ Có văn bản gửi một số Bộ, ngành, các Tập đoàn, Tổng công ty/Công ty đại diện vốn nhà nước (đối với các doanh nghiệp UBCKNN có đủ thông tin xác định) để thông báo cho các cơ quan, đơn vị này biết về vi phạm của doanh nghiệp thuộc quản lý, giám sát và đề nghị các cơ quan, đơn vị này phối hợp yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định và chấp hành các biện pháp xử lý của UBCKNN.

- Trên cơ sở kiểm tra, làm việc trực tiếp với các doanh nghiệp cho thấy, việc chậm đăng ký giao dịch theo giải trình của các DNNN cổ phần hóa có một số lý do như sau:

+ Một số doanh nghiệp hoạt động kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ, lỗ lũy kế trên vốn điều lệ cao, nợ ngân hàng lớn, đang trên bờ vực phá sản hoặc đang trong quá trình giải quyết hậu quả sai phạm phát hiện trong thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng, không tổ chức được Đại hội đồng cổ đông để xin ý kiến về phương án đưa cổ phiếu lên sàn, kiểm toán báo cáo tài chính nên không thực hiện được thủ tục niêm yết, đăng ký giao dịch.

+ Một số doanh nghiệp gặp vướng mắc trong xác định giá trị phân vốn nhà nước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần, còn nhiều vướng mắc về tài chính và công nợ, chưa thực hiện quyết toán công tác cổ phần hóa theo quy định để kiểm toán xác nhận số vốn điều lệ thực góp, chưa có phương án xử lý tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, liên quan đến việc điều chỉnh phần vốn Nhà nước hoặc đang triển khai thực hiện việc mở thủ tục phá sản đối với công ty.

+ Một số DNNN cổ phần hóa có cổ đông chủ yếu là cán bộ công nhân viên, nhiều người đã nghỉ hưu, thay đổi địa chỉ liên hệ nên việc tập hợp danh sách cổ đông với đầy đủ thông tin theo quy định của Trung tâm Lưu ký chứng khoán gặp nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian; một số doanh nghiệp có quy mô nhỏ, ở vùng sâu, vùng xa, việc nhận thức các quy định về niêm yết/đăng ký giao dịch còn hạn chế.

8. Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 01/CT-TTg, trong 9 tháng đầu năm 2019, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các Bộ liên quan thực hiện kiểm tra công tác cổ phần hóa, thoái vốn, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, DNNN (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, Tổng công ty Giấy Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng...). Kết thúc đợt kiểm tra, Bộ Tài chính sẽ có báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả kiểm tra, giám sát.

III. Tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu lại DNNN

1. Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2016 đến năm 2018

1.1. Chính phủ đã có báo cáo số 441/BC-CP ngày 16/10/2017 và Báo cáo số 480/BC-CP ngày 12/10/2018 gửi Quốc hội báo cáo cụ thể về tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2016 và năm 2017.

(Báo cáo đã được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính).

1.2. Tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2018

Qua báo cáo của các cơ quan đại diện chủ sở hữu, tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2018 có 850 doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong đó có 502 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, 348 doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của nhà nước.

a) Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

- Tổng tài sản của các DNNN là 2.935.353 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2017. Tỷ trọng tài sản cố định bình quân chiếm 39% tổng tài sản. Trong đó khối các TĐ, TCT, Công ty mẹ - con có tổng tài sản là 2.690.431 tỷ đồng, chiếm 92% tổng tài sản; các Công ty TNHH MTV độc lập còn lại chiếm 8% tổng tài sản.

- Vốn chủ sở hữu của các DNNN là 1.366.754 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2017. Trong đó, khối các TĐ, TCT, Công ty mẹ - con là 1.218.898 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2017, chiếm 89% tổng vốn chủ sở hữu (TĐ là 937.785 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2017; khối các TCT là 252.807 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2017; khối công ty mẹ - con là 28.305 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2017).

- Tổng Doanh thu của các DNNN đạt 1.557.394 tỷ đồng, tăng 9% so với thực hiện năm 2017. Trong đó: Khối TĐ đạt 1.023.414 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện năm 2017, chiếm 64,8% tổng doanh thu của các DNNN; Khối TCT đạt 341.706 tỷ đồng, tăng 4% so với thực hiện năm 2017, chiếm 23,2% tổng doanh thu của các doanh nghiệp toàn quốc; Khối Công ty mẹ - con đạt 55.792 tỷ đồng, tăng 1% so với thực hiện 2017, chiếm 3,5% tổng doanh thu của các DNNN; Khối các doanh nghiệp độc lập đạt 136.482 tỷ đồng, tăng 6% so với thực hiện năm 2017, chiếm 8,5% tổng doanh thu của các DNNN.

- Lãi phát sinh trước thuế của các DNNN đạt 165.514 tỷ đồng, tăng 3% so với thực hiện 2017. Trong đó: Khối TĐ đạt 109.200 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2017, chiếm 65,6% tổng lãi phát sinh trước thuế của các doanh nghiệp toàn quốc; Khối TCT đạt 38.162 tỷ đồng, tăng 6% so với thực hiện năm 2017, chiếm 23,9% tổng lãi phát sinh trước thuế của các doanh nghiệp toàn

quốc; Khối Công ty mẹ - con đạt 4.806 tỷ đồng, giảm 1% so với thực hiện năm 2017, chiếm 2,9% tổng lãi phát sinh trước thuế của các doanh nghiệp toàn quốc; Khối các doanh nghiệp độc lập đạt 13.346 tỷ đồng, tăng 6% so với thực hiện năm 2017, chiếm 7,5% tổng lãi phát sinh trước thuế của các DNNN.

Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp/Vốn chủ sở hữu bình quân chung của các DNNN năm 2018 là 12% (tương đương năm 2017); Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp/Tổng tài sản bình quân chung của các DNNN năm 2018 là 6% (tương đương năm 2017).

- Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách nhà nước (NSNN) của các DNNN là 267.842 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2017, chủ yếu thu từ hoạt động kinh doanh nội địa (chiếm 76% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các DNNN). Trong đó: Khối TD tổng số phát sinh phải nộp NSNN đạt 163.897 tỷ đồng, tăng 4% so với thực hiện năm 2017, chiếm 58,7% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp nhà nước; Khối TCT đạt 60.317 tỷ đồng, tăng 8% so với thực hiện năm 2017, chiếm 26,2% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp nhà nước; Khối các Công ty mẹ - con đạt 7.484 tỷ đồng, tăng 6% so với thực hiện năm 2017, chiếm 2,8% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp nhà nước; Khối các doanh nghiệp độc lập còn lại đạt 36.144 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2017, chiếm 12,3% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp toàn quốc.

b) Doanh nghiệp có vốn nhà nước

- Về Tài sản: Năm 2018, tổng tài sản theo báo cáo hợp nhất của các doanh nghiệp cổ phần là 776.532 tỷ đồng, tăng 4% so với thực hiện năm 2017. Trong đó, khối TD, TCT, Công ty mẹ - con cổ phần có tổng tài sản là 688.490 tỷ đồng, tăng 3,4% so với năm 2017 và chiếm 88,6% tổng tài sản của các doanh nghiệp cổ phần. Tỷ trọng tài sản cố định bình quân chiếm 28% tổng tài sản.

- Các khoản phải thu: Theo báo cáo hợp nhất của các doanh nghiệp cổ phần thì tổng các khoản phải thu năm 2018 là 108.795 tỷ đồng, tăng 1,2% so với thực hiện năm 2017. Trong đó, nợ phải thu khó đòi của các doanh nghiệp cổ phần năm 2018 là 6.784 tỷ đồng, chiếm 6% so với tổng các khoản phải thu của các doanh nghiệp cổ phần và các doanh nghiệp này đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để xử lý tổn thất xảy ra theo quy định với giá trị là 6.169 tỷ đồng.

- Hàng tồn kho: Năm 2018, giá trị hàng tồn kho của các doanh nghiệp cổ phần là 92.094 tỷ đồng, giảm 3% so với số thực hiện năm 2017 và chiếm 9% tổng tài sản của các doanh nghiệp cổ phần. Các doanh nghiệp đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định với giá trị là 2.208 tỷ đồng (Riêng Công ty mẹ là 787 tỷ đồng).

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Theo báo cáo hợp nhất của các doanh nghiệp cổ phần thì các khoản đầu tư tài chính dài hạn năm 2018 đạt 94.358 tỷ đồng, giảm 2% so với thực hiện năm 2017. Trong đó, đầu tư vào các công ty con chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng các khoản đầu tư tài chính dài hạn (4%).

- Về Nguồn vốn:

+ Tổng số nợ phải trả của các doanh nghiệp cổ phần theo báo cáo hợp nhất là 396.831 tỷ đồng. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm 65% tổng số nợ phải trả. Khối TĐ, TCT, Công ty mẹ - con cổ phần có tổng số nợ phải trả theo số liệu báo cáo hợp nhất là 199.921 tỷ đồng, chiếm 89% tổng số nợ phải trả của các doanh nghiệp cổ phần.

+ Vốn chủ sở hữu theo báo cáo hợp nhất của các doanh nghiệp cổ phần năm 2018 là 305.038 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2017. Trong đó, vốn nhà nước góp tại các công ty cổ phần là 163.965 tỷ đồng, tăng 6% so với thực hiện năm 2017.

- Doanh thu: Năm 2018, tổng doanh thu của các doanh nghiệp cổ phần đạt 643.697 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2017. Trong đó, xét theo số liệu báo cáo hợp nhất, khối TĐ, TCT, Công ty mẹ - con cổ phần có doanh thu là 581.343 tỷ đồng, chiếm 90% tổng doanh thu của các doanh nghiệp cổ phần.

- Lãi phát sinh trước thuế: Năm 2018, các doanh nghiệp cổ phần có tổng lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo hợp nhất là 48.816 tỷ đồng, tăng 8% so với số thực hiện năm 2017. Tỷ suất Lãi phát sinh trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ suất Lãi phát sinh trước thuế/Tài sản bình quân của các doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2018 lần lượt là 16% và 6%.

- Lỗ phát sinh: Theo báo cáo hợp nhất của các doanh nghiệp cổ phần thì có 59 doanh nghiệp với tổng số lỗ phát sinh là 3.258 tỷ đồng. Tính riêng Công ty mẹ, có 03 Công ty mẹ có lỗ phát sinh với giá trị là 2.374 tỷ đồng.

- Tổng phát sinh phải nộp NSNN: Năm 2018, các doanh nghiệp cổ phần có tổng số phát sinh phải nộp NSNN đạt 99.722 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2017. Trong đó, số phát sinh phải nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu chiếm 93% tổng số phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp cổ phần.

2. Việc xử lý các tồn tại, yếu kém của các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả của ngành công thương (điểm 10 mục V Chỉ thị 01/CT-TTg)

2.1. Tình hình xử lý các tồn tại, yếu kém của các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả của ngành công thương

Theo báo cáo của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (CMSC) tại công văn số 121/UBQLV-TH ngày 24/9/2019 về tình hình và kết quả xử lý các tồn tại yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả của ngành công thương thì:

a) Ngày 09/7/2019, CMSC và Bộ Công Thương đã ký Biên bản bàn giao hồ sơ các dự án, doanh nghiệp và tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ xử lý các tồn tại, yếu kém tại một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả của ngành Công Thương về CMSC đối với 11 dự án (trừ dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam)

b) Tình hình hoạt động của các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả của ngành công thương như sau:

- Trong số 06 nhà máy trước đây có hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng thua lỗ thì đến năm 2018 và 08 tháng 2019 đã có:

+ 02 nhà máy hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi (Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 1 - Hải Phòng đã có lợi nhuận sau thuế đạt 7,2 tỷ đồng và Nhà máy thép Việt - Trung có lợi nhuận sau thuế đạt 270,7 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 1 - Hải Phòng đang được xem xét để đưa ra khỏi Danh sách các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả của ngành Công Thương. Tuy nhiên, do khó khăn của thị trường, các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm 2018.

+ 04 dự án còn đang thua lỗ đã từng bước khắc phục khó khăn, tiếp tục giảm được lỗ nhưng do tình hình thị trường diễn biến khó khăn nên kết quả chưa bền vững. So với năm 2017, năm 2018 Nhà máy Đạm Hà Bắc giảm lỗ 342 tỷ đồng; Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai giảm lỗ 208,8 tỷ đồng và Nhà máy Đạm Ninh Bình giảm lỗ 417,2 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2018, trong 08 tháng đầu năm 2019, Nhà máy Đạm Ninh Bình giảm lỗ 284,6 tỷ đồng nhưng Nhà máy Đạm Hà Bắc tăng lỗ 138,9 tỷ đồng, Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 – Lào Cai tăng lỗ 94,2 tỷ đồng, Công ty DQS lỗ 15,2 tỷ đồng (giảm lỗ 46,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018).

- Đối với 03 dự án trước đây bị dừng sản xuất kinh doanh, đến nay đã có 01 dự án vận hành sản xuất trở lại, 02 dự án đã đủ điều kiện vận hành trở lại nhưng do thị trường khó khăn nên vẫn dừng sản xuất. Cụ thể:

+ Dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ đã vận hành sản xuất 03 dây chuyền DTY từ ngày 20/4/2018 đến ngày 31/10/2018. Từ ngày 01/11/2018, Ngày máy chuyển sang thực hiện hợp đồng gia công sợi cho AST. Tổng lượng sản phẩm Nhà máy sản xuất ra từ ngày 20/4/2018 đến ngày 31/8/2019 là 6.917 tấn sợi DTY, trong đó lượng sản phẩm gia công cho AST là 5.409 tấn sợi DTY. Từ ngày 08/5/2019, PVTEX đưa thêm 02 dây chuyền DTY vào hoạt động, nâng tổng số dây chuyền hoạt động lên 12 dây chuyền. Tuy nhiên, theo yêu cầu của đối tác, hiện nay nhà máy đã giảm xuống 07 dây chuyền sản xuất.

+ Dự án nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Quảng Ngãi đã tiến hành sản xuất theo Hợp đồng hợp tác gia công với Công ty CP Xuất nhập khẩu tạp phẩm (Tocontap) từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2019 sản xuất ra 2.000 m³ ethanol đạt chất lượng. Tuy nhiên, do việc tiêu thụ sản phẩm khó khăn, giá sản phẩm cao (5.500 đồng/kg – 5.700 đồng/kg) nên đối tác đã không thực hiện được kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2019 và đã dừng hợp tác. Hiện nay BSR-BF đang triển khai tìm kiếm đối tác khác theo quy định.

+ Dự án Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Bình Phước đã hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa, sẵn sàng khởi động lại, tuy nhiên do diễn biến thị trường không thuận lợi nên các bên quyết định chưa vận hành lại nhà máy.

- Đối với 3 dự án xây dựng dở dang, (i) Tổng công ty Giấy Việt Nam đã trình Bộ Công Thương phê duyệt kết quả để tiếp tục xây dựng phương án và tổ

chức thực hiện bán đấu giá Dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam theo quy định; (ii) Dự án Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Phú Thọ tiếp tục gặp khó khăn do PVOil không phải là cổ đông chính (chiếm 39,76%), các cổ đông ngoài ngành (chiếm 60,24%) không góp thêm vốn để tiếp tục triển khai Dự án; (iii) Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy gang thép Thái Nguyên chưa giải quyết được tranh chấp Hợp đồng EPC với MCC và các nhà thầu phụ.

- Việc xử lý các dự án đã bảo đảm thực hiện theo đúng nguyên tắc của cơ chế thị trường; tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; Nhà nước không cấp thêm vốn vào các dự án. Hiện nay có 17 ngân hàng thương mại và 01 công ty tài chính cung cấp tín dụng để thực hiện 12 dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành công thương với tổng số dư cấp tín dụng đến thời điểm 30/6/2019 là 20.063 tỷ đồng (giảm 373 tỷ đồng so với thời điểm 31/3/2019) do một số ngân hàng thu hồi nợ trung hạn đối với các khoản cho vay dự án Nhà máy Thép Lào Cai và mỏ sắt Quý Xa, Đạm Ninh Bình, Đạm Hà Bắc và DAP Lào Cai. Trong đó, dư nợ cấp tín dụng trung dài hạn là 16.416 tỷ đồng (chiếm 82%, giảm 402 tỷ đồng so với t thời điểm 31/03/2019), còn lại 3.650 tỷ đồng là cấp tín dụng ngắn hạn (chiếm 18%, tăng 29 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/3/2019).

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT VỀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CỔ PHẦN HÓA, THOÁI VỐN, CƠ CẤU LẠI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DNNN TRONG THỜI GIAN TỚI

I. Nhận xét, đánh giá

Sau Hội nghị đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN, trọng tâm là các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tại Thông báo số 39/TB-VPCP và Thông báo số 249/TB-VPCP ngày 22/7/2019 của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, tổng công ty, DNNN đã nghiêm túc, khẩn trương thúc đẩy quá trình cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước, cụ thể:

1. Về cơ chế chính sách

Các cơ chế chính sách và hệ thống pháp luật về cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN tiếp tục được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện, đảm bảo chặt chẽ, công khai minh bạch, tối đa hóa lợi ích của Nhà nước, tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn và hạn chế thất thoát vốn, tài sản, nhà nước trong quá trình cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg, Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định (Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/1/2019 về

thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên), Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg; Bộ Tài chính ban hành 02 Thông tư hướng dẫn Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

2. Đóng góp của các DNNN đối với sự phát triển chung của nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực

- Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN ngày càng tăng, cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

- DNNN có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước; đã và đang trực tiếp nắm giữ tỷ trọng đa số hoặc chi phối được một số ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như tài chính, tín dụng, năng lượng, viễn thông, sản phẩm, dịch vụ công ích, khai thác tài nguyên, khoáng sản, công trình công cộng, thủy lợi, hoa tiêu,...

- DNNN đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện có hiệu quả chính sách định giá, điều tiết giá hoặc bình ổn giá của Nhà nước.

- DNNN thể hiện được vai trò chủ đạo tại một số phương diện sau:

(i) DNNN đóng góp quyết định để phát triển hệ thống cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các thành phần kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội mà các thành phần kinh tế khác chưa làm được do đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm, không có khả năng sinh lời trong ngắn hạn.

(ii) DNNN là lực lượng vật chất quan trọng để đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn, hòa bình, ổn định cho các thành phần kinh tế khác phát triển thông qua việc đóng góp quyết định cho năng lực quốc phòng, an ninh và đối ngoại; là nguồn lực để Nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế. Các DNNN, tổ chức tín dụng nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ quan, tổ chức kinh tế nhà nước, hệ thống tài sản công và các nguồn vốn đầu tư nhà nước cùng với cơ chế chính sách là công cụ chủ yếu để Nhà nước thực hiện mục tiêu phân phối nguồn lực gắn với tiến bộ và công bằng xã hội; trực tiếp cung cấp phần lớn các sản phẩm, dịch vụ công ích cho xã hội.

- Cùng với thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, các Tập đoàn, Tổng công ty thực hiện phương án cơ cấu lại doanh nghiệp theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn của DNNN đầu tư ra ngoài đều có lãi; tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2016 là năm đầu tiên việc đầu tư vốn, quản lý tài chính doanh nghiệp thực hiện theo Luật số 69/2014/QH13; việc đầu tư vốn chỉ tập trung vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nhà nước duy trì doanh nghiệp làm chủ sở hữu không còn hiện tượng đầu tư vốn dàn trải.

Với việc thu gọn lĩnh vực đầu tư của các DNNN tại các ngành, lĩnh vực mà kinh tế tư nhân đã có đủ khả năng đảm nhiệm thì các doanh nghiệp tư nhân đã

phát triển mạnh mẽ, hình thành nhiều tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, đóng góp nhiều hơn cho NSNN và phát triển môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh.

3. Đối với cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN

a) Nhiều Bộ, ngành địa phương đã nghiêm túc thực hiện đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cơ cấu lại, thực hiện tốt chế độ báo cáo, qua đó tiếp tục khẳng định cổ phần hóa, thoái vốn là giải pháp quan trọng trong sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại DNNN. Kết quả nổi bật là:

- Về cơ bản đã đạt được mục tiêu chuyển đổi phần lớn các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới phương thức quản lý; cơ bản đạt được mục tiêu bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.

- Đã cổ phần hóa thành công một số Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, nhiều DNNN quy mô lớn (Tập đoàn Cao su Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Việt Nam...) và nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Thay đổi phương thức cổ phần hóa, đã thực hiện cổ phần hóa toàn bộ tập đoàn, tổng công ty thay vì cổ phần hóa từng đơn vị con thuộc Tập đoàn, tổng công ty như trước đây.

- Tác động tích cực tới sự phát triển của thị trường chứng khoán: Việc cổ phần hóa DNNN gắn với bán đấu giá cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán, đặc biệt là của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp quy mô lớn được đẩy mạnh đã cung cấp cho thị trường chứng khoán hàng hóa có chất lượng, tác động mạnh mẽ đến phát triển thị trường vốn, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch và kiểm soát của xã hội đối với hoạt động của doanh nghiệp.

- Quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người lao động: Thông qua cơ chế bán cổ phần ưu đãi, người lao động được tạo điều kiện để sở hữu cổ phần và trở thành cổ đông của công ty. Việc kiểm tra, giám sát của người lao động với tư cách là cổ đông làm cho hoạt động của công ty cổ phần được minh bạch, công khai, tạo điều kiện cho việc thực hiện quy chế dân chủ trong doanh nghiệp một cách thực chất hơn. Nhiều doanh nghiệp sau cổ phần hóa thu hút thêm lao động có kỹ thuật; đa số người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa được tiếp tục làm việc, được đào tạo lại để nâng cao trình độ, thu nhập tăng so với trước khi cổ phần hóa, chưa kể thu nhập có được từ cổ tức. Lao động dôi dư được hỗ trợ, đào tạo nghề mới theo nhu cầu.

- Hầu hết các DNNN sau cổ phần hóa đều sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, nộp ngân sách và thu nhập của người lao động được nâng lên.

- Tiếp tục phát huy vai trò của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC) trong việc hỗ trợ quá trình cổ phần hóa, tiếp nhận và xử lý nợ của các doanh nghiệp cổ phần, là tổ chức chuyên nghiệp trong việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp sau cổ phần hoá theo đúng định hướng chỉ đạo của Đảng và Chính phủ.

- Tập trung nguồn thu từ quá trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để sử dụng theo quy định và nộp vào ngân sách nhà nước theo Nghị quyết của Quốc hội.

b) Đối với các doanh nghiệp đã được phê duyệt phương án cơ cấu lại

Về cơ bản, các doanh nghiệp đã tích cực triển khai cơ cấu lại theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó:

- Về ngành nghề kinh doanh: Thu gọn các ngành nghề không phù hợp để tập trung vào những ngành, lĩnh vực kinh doanh chính.

- Về tài chính: Chủ động phân tích và đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch, thiết lập các giải pháp tối ưu để cơ cấu tài chính; Xây dựng phương án huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong chiến lược tổng thể dài hạn cũng như trong từng giai đoạn cụ thể của doanh nghiệp...

- Về quản trị doanh nghiệp: Tăng cường công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi không để phát sinh tồn đọng tài chính, thường xuyên đối chiếu thu hồi các khoản công nợ theo quy định. Phân tích tuổi nợ, trích lập dự phòng theo quy định; Sáp nhập các phòng ban, cơ cấu lại tổ chức, đảm bảo tinh gọn, cắt giảm số lượng lao động gián tiếp không cần thiết, cơ cấu lại về tài chính, quản trị doanh nghiệp, nâng cao thu nhập của người lao động.

- Về nhân sự: Đã thực hiện cơ cấu lại nguồn nhân lực theo hướng tinh giản, tăng quyền tự chủ, thúc đẩy khả năng sáng tạo, lựa chọn đúng người vào đúng vị trí để người lao động phát huy được hết khả năng của mình, đồng thời thu hút được các ứng viên xuất sắc. Một số đơn vị đã xây dựng và áp dụng bảng mô tả công việc để làm rõ rạch nhiệm, nhiệm vụ và năng lực cần có cho từng vị trí công việc.

- Về cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất, kinh doanh: Đã đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng, không ngừng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ hiện đại, xây dựng các giải pháp bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, tiếp thu và làm chủ các công nghệ tiên tiến; cải tiến, nâng cao trình độ công nghệ góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm...

II. Các tồn tại, hạn chế

1. Về cơ chế chính sách

- Về khái niệm DNNN theo quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2014, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp chưa phù hợp với chủ trương của Đảng theo Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN, do đó, cần rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.

- Về thuật ngữ “*Vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp*” theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Xây dựng đang còn nhiều cách hiểu khác nhau, chưa có sự thống nhất dẫn đến khó khăn trong việc xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng trong triển khai thực hiện, do đó phải rà soát, sửa đổi cho phù hợp.

- Một số Bộ, ngành, địa phương phản ánh còn gặp vướng mắc trong triển khai thực hiện một số nội dung về sắp xếp, phê duyệt phương án sử dụng đất, xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị các quyền sở hữu trí tuệ bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử, phân vốn nhà nước để cổ phần hóa, thoái vốn theo quy định tại các Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018.

2. Về việc tổ chức thực hiện công tác cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN

- Một số Bộ, ngành, địa phương chưa hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn năm 2018 theo đúng phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, phải điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp với thực tế.

- Tiến độ phê duyệt đề án cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của các Bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ còn chậm; việc triển khai đề án cơ cấu lại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã được Thủ tướng phê duyệt chậm, đặc biệt là nội dung thoái vốn, cổ phần hóa.

- Việc chuyển giao các doanh nghiệp sau cổ phần hóa về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước; đăng ký giao dịch, niêm yết trên sàn chứng khoán; quyết toán bàn giao sang công ty cổ phần; chấp hành chế độ báo cáo chưa được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, quyết liệt tại một số Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; một số bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp gặp vướng mắc, lúng túng, chưa thống nhất trong quá trình triển khai cổ phần hóa, thoái vốn theo các quy định mới; vẫn còn doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh hiệu quả thấp, thua lỗ, không tương xứng với nguồn lực nắm giữ.

- Chậm quyết toán bàn giao sang công ty cổ phần của các doanh nghiệp đã cổ phần hóa chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, làm ảnh hưởng đến việc xác định phân vốn nhà nước thu nộp các khoản thu từ cổ phần hóa theo quy định như: Tổng công ty Thép Việt Nam (đã chuyển sang hoạt động

dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 29/9/2011), Tập đoàn Dệt may Việt Nam (đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 29/1/2015), Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – VEAM (đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 24/1/2017)...

- Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện vai trò chủ sở hữu vốn nhà nước của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đã tiếp nhận còn phát sinh một số vướng mắc như trong việc xác định cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với một số dự án đầu tư của tập đoàn kinh tế, tổng công ty, về phân công, phân cấp thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư...

- Việc sử dụng các công cụ quản lý nhà nước đối với các DNNN bằng các văn bản dưới luật dẫn đến hiệu lực thực thi chưa cao, làm giảm hiệu quả của quản lý nhà nước đối với DNNN nói chung và gây khó khăn cho hoạt động kiểm soát, giám sát của Nhà nước.

- Việc rà soát, phê duyệt phương án sử dụng đất của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn, nhiều quy trình thủ tục mất nhiều thời gian do lịch sử pháp lý đất đai phức tạp, địa phương phê duyệt chậm, kéo dài thời gian hơn so với quy định.

- Tổ chức quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của nhiều DNNN chưa theo kịp với yêu cầu của cơ chế thị trường. Công tác quản lý đầu tư, quản lý tài chính, quản lý rủi ro, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, thất thoát còn lỏng lẻo; chi phí sản xuất kinh doanh còn lớn. Công nghệ và công cụ quản trị kinh doanh chậm đổi mới. Nhiều doanh nghiệp chưa áp dụng công nghệ điều hành hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, dẫn đến chậm hoặc không phát hiện được các vấn đề phát sinh trong kinh doanh. Chế độ đãi ngộ và xử lý trách nhiệm cơ bản vẫn theo nguyên tắc như đối với viên chức nhà nước, không tạo được động lực gắn với trách nhiệm theo cơ chế thị trường.

- Việc tổ chức thực hiện pháp luật về công bố thông tin còn mang tính hình thức, dẫn tới khó giám sát được doanh nghiệp, không đủ thông tin khách quan về DNNN, tạo dư luận xã hội thiếu tích cực về tính minh bạch của DNNN, trước hết là DNNN các ngành, lĩnh vực độc quyền nhà nước hoặc do Nhà nước định giá, điều tiết giá hoặc các ngành cung cấp sản phẩm dịch vụ công thiết yếu, v.v.

III. Nguyên nhân

1. Nguyên nhân khách quan

- Do tình hình phức tạp, căng thẳng trong các quan hệ kinh tế, chính trị trên thế giới và khu vực ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán trong nước và khu vực. Đồng thời, quy mô thị trường chứng khoán trong nước còn chưa đủ lớn, khó có thể hấp thụ hết toàn bộ số vốn mà DNNN thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn trong một khoảng thời gian nhất định, phát triển chưa bền vững nên giá cổ phiếu trên thị trường tăng giảm bất thường, dẫn đến khó khăn cho việc cổ phần hóa, thoái vốn.

- Các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại giai đoạn này hầu hết là các doanh nghiệp lớn, có tình hình tài chính phức tạp, sở hữu nhiều đất đai; hoặc là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, gắn liền với các hoạt động của địa phương, đóng góp vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thực hiện các chiến lược, mục tiêu về an sinh xã hội của địa phương.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhiều Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, tổng công ty chưa khẩn trương xây dựng, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại đối với các DNNN theo Quyết định số 707/QĐ-TTg và Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ dẫn tới việc không thể triển khai các công việc tiếp theo như cổ phần hóa, thoái vốn, thay đổi quản trị doanh nghiệp để thực sự nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện của một số Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước còn chưa thực sự nghiêm túc triển khai kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Vai trò, nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị còn chưa cao, chưa quyết liệt trong việc đổi mới hoạt động của doanh nghiệp, công khai minh bạch, đúng quy định pháp luật, đảm bảo nguyên tắc thị trường, chống lợi ích nhóm trong cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước.

- Một số đơn vị thuộc diện thoái vốn đang bị cơ quan bảo vệ pháp luật thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra vì vi phạm các quy định về quản lý sử dụng vốn nhà nước theo quy định hiện hành.

- Đối với những DNNN đã triển khai cơ cấu lại chưa đạt kết quả như kỳ vọng do: (i) các doanh nghiệp sau cổ phần hóa chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực khai khoáng, năng lượng, cơ khí có điều kiện sản xuất kinh doanh, thị trường khó khăn; (ii) trình độ quản lý, quản trị doanh nghiệp, năng lực chuyên môn của người lãnh đạo còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

- Việc lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công còn rất chậm, đặc biệt là các thành phố lớn như thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- DNNN không muốn thoái vốn khỏi những ngành, lĩnh vực phát triển mạnh, có tỷ suất sinh lời cao làm cho tiến độ thoái vốn chậm lại.

- Việc hạ giá thành, tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả đầu tư của phần lớn DNNN còn hạn chế. Tình trạng lãng phí, thất thoát nguồn lực nhất là trong các ngành khai thác, chế biến, xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản, đầu tư xây dựng cơ bản là bất cập đã tồn tại trong nhiều năm, nhưng đến nay chưa được xử lý triệt để, làm tăng chi phí, giảm hiệu quả hoạt động.

- Việc áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh đối với một số doanh nghiệp còn yếu, không hiệu quả, thiếu sự đồng bộ.

- Thiếu nguồn lực tài chính để thực hiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, đồng bộ, hiệu quả trên các mặt sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, quản lý, tái cơ cấu tài sản, sản phẩm, thị trường, lao động... quản trị về nhân sự, tài chính.

- Tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của một số DNNN còn yếu kém, chưa hiệu quả, bộ máy trì trệ, nhân sự không đáp ứng được yêu cầu, tuy nhiên việc xây dựng và triển khai phương án cơ cấu lại tại các doanh nghiệp này chưa có nhiều nội dung mang tính đột phá (ví dụ như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, an sinh xã hội).

Phần thứ ba

GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CỔ PHẦN HÓA, THOẠI VỐN, CƠ CẤU LẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

Để hoàn thành công tác cơ cấu lại DNNN, trong đó trọng tâm là cổ phần hóa, thoái vốn theo chỉ đạo, phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 02/10/2017, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019, Nghị quyết số 73/ND-CP ngày 23/9/2019 và Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019, Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 25/01/2019, Thông báo số 249/TB-VPCP ngày 22/7/2019, trong giai đoạn từ nay đến 2020 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, DNNN triển khai một số nội dung sau:

I. Các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, tổng công ty, DNNN khẩn trương xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt phương án cơ cấu lại DNNN trực thuộc theo đúng quy định tại Quyết định số 707/QĐ-TTg; kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan về việc chậm phê duyệt phương án theo quy định. Hoàn thành chậm nhất là hết quý 4/2019.

- Các địa phương phối hợp với các cơ quan liên quan kịp thời, rà soát, cho ý kiến, phê duyệt Phương án sử dụng đất đối với các DNNN trực thuộc, các doanh nghiệp cổ phần hóa có đất đai trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 167/NĐ-CP và các văn bản có liên quan; chủ động tháo gỡ, khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước đơn đốc các doanh nghiệp đã cổ phần hóa: (i) Thực hiện nghiêm việc đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán; bàn giao các doanh nghiệp thuộc diện phải bàn giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước theo đúng quy định của pháp luật; (ii) Hoàn thành quyết toán công tác cổ phần hóa; xác định số phải nộp/tạm nộp và thực hiện nộp tiền thu từ cổ phần hóa theo quy định, trường hợp không đảm bảo thời gian thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải trình rõ nguyên nhân và chịu trách nhiệm về sự chậm trễ này.

- Nâng cao vai trò, nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp trong công tác cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN, gắn kết quả việc thực hiện sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN với việc đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu; đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật, tuân thủ nguyên tắc thị trường, không để xảy ra hiện tượng lợi ích nhóm trong việc triển khai cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN.

- Các Bộ, ngành tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý 2/2020.

II. Về cơ chế chính sách

1. Rà soát, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành các luật sửa đổi, bổ sung liên quan đến DNNN

- Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Bộ Tài chính);

- Luật Cán bộ, công chức (Bộ Nội vụ);

- Luật Phá sản (Bộ Tư pháp);

- Luật Xây dựng (Bộ Xây dựng).

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, khung khổ pháp lý về tổ chức quản lý và hoạt động của DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước về cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp theo chỉ đạo, phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 02/10/2017, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019, Nghị quyết số 73/ND-CP ngày 23/9/2019 và Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019, Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 25/01/2019, Thông báo số 249/TB-VPCP ngày 22/7/2019, trong đó:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động của DNNN.

- Rà soát, xây dựng Tiêu chí phân loại DNNN giai đoạn sau năm 2020 để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg.

- Xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế để tăng cường quản lý các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, các doanh nghiệp trực thuộc các tổ chức chính trị - xã hội.

- Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước theo từng loại hình, lĩnh vực, địa bàn hoạt động đặc thù của doanh nghiệp trong Quý IV/2020

b) Bộ Tài chính:

- Rà soát, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn.

- Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Dự thảo Nghị định về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Xây dựng đề trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg về chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần.

- Báo cáo Chính phủ phương án sửa đổi bổ sung Nghị định số 20/2017/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết;

- Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 163/2018/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, đề xuất các giải pháp để tăng cường quản lý nhà nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Nghị định số 163/2018/NĐ-CP (nếu thấy cần thiết).

c) Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:

- Nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ ban hành “Nghị định thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý cho một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước”.

- Rà soát, sửa đổi Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

d) Bộ Nội vụ:

- Nghiên cứu, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi cơ chế chính sách để gắn kết quả của việc thực hiện sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước với việc đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu; tiếp tục đổi mới công tác bố trí bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện tách người quản lý DNNN khỏi chế độ công chức, viên chức. Triển khai rộng rãi cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm qua thi tuyển cạnh tranh, công khai, minh bạch.

đ) Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn các Nghị định của Chính phủ trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước (như Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP...)/.